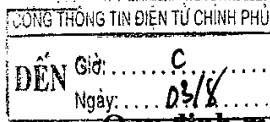


**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2016/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 21 tháng 7 năm 2016



**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư, mức thưởng từ ngân sách tỉnh  
đối với các xã, thị trấn; các huyện, thành phố xây dựng  
Nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;*

*Căn cứ Quyết định 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc, cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;*

*Xét Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh về việc Quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư, mức thưởng từ ngân sách tỉnh đối với các xã xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;*

*Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định về mức hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh là 8 tỷ đồng/xã, thị trấn cho 113 xã, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) tham gia Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, bao gồm: 26 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015 và 87 xã đang thực hiện chương trình (Danh sách các xã theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quy định mức thưởng đối với các xã, huyện, thành phố được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, với nội dung cụ thể như sau:

**1. Đối tượng thưởng:**

- Các xã được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới từ năm 2016 đến năm 2018.

- Các huyện, thành phố được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới từ năm 2016 đến năm 2018.

- Không thưởng cho các xã, huyện, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới từ năm 2019 trở đi.

## **2. Nguyên tắc thưởng:**

- Mỗi xã, huyện, thành phố chỉ được thưởng một lần.
- Không thưởng đối với các xã có nợ xây dựng cơ bản trên 03 tỷ đồng; nếu xã có nợ xây dựng cơ bản từ 03 tỷ đồng trở xuống thì phải có phương án trả nợ và nguồn thanh toán.

## **3. Quy định về mức thưởng:**

a) Mức thưởng áp dụng cho năm 2016:

- + Xã đạt chuẩn nông thôn mới thưởng 1 tỷ đồng/xã.
- + Huyện, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới: 3 tỷ đồng/huyện, thành phố.

b) Mức thưởng áp dụng cho năm 2017:

- + Xã đạt chuẩn nông thôn mới thưởng 750 triệu đồng/xã.
- + Huyện, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới: 2 tỷ đồng/huyện, thành phố.

c) Mức thưởng áp dụng cho năm 2018:

- + Xã đạt chuẩn nông thôn mới thưởng 500 triệu đồng/xã.
- + Huyện, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới: 1,5 tỷ đồng/huyện, thành phố.

## **4. Sử dụng kinh phí khen thưởng:**

- Đối với các huyện, thành phố: Kinh phí khen thưởng được sử dụng để thực hiện chương trình nông thôn mới.

- Đối với các xã: Kinh phí khen thưởng được sử dụng để thực hiện, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được về xây dựng nông thôn mới, không được sử dụng vào mục đích khác.

**Điều 3.** Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

**Điều 4.** Thường trực HĐND, Ban của HĐND, đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Nam Định khóa XVIII, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 21/7/2016 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch & Đầu tư;
- Như Điều 3, Điều 4;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh; Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện;
- Thành ủy, HĐND, UBND TP. Nam Định;
- Đảng ủy, HĐND, UBND 113 xã XDNTM giai đoạn 2016-2020;
- Báo Nam Định; Công báo tỉnh;
- Website tỉnh; Website Chính phủ;
- Lưu: VT VP HĐND tỉnh.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Chung**



**PHỤ LỤC 113 XÃ, THỊ TRẤN THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

*(Theo Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 21/7/2016 của HĐND tỉnh Nam Định)*

| TT | TT xã      | Huyện, thành phố<br>Xã, thị trấn | Số xã, thị trấn | Ghi chú          |
|----|------------|----------------------------------|-----------------|------------------|
|    |            | <b>Tổng số</b>                   | <b>113</b>      |                  |
|    | <b>I</b>   | <b>TP Nam Định</b>               | <b>3</b>        |                  |
| 1  | 1          | Nam Phong                        |                 |                  |
| 2  | 2          | Lộc Hòa                          |                 |                  |
| 3  | 3          | Mỹ Xá                            |                 |                  |
|    | <b>II</b>  | <b>H. Mỹ Lộc</b>                 | <b>7</b>        |                  |
| 4  | 1          | Mỹ Thuận                         |                 |                  |
| 5  | 2          | Mỹ Thịnh                         |                 |                  |
| 6  | 3          | Mỹ Thành                         |                 |                  |
| 7  | 4          | Mỹ Tiến                          |                 |                  |
| 8  | 5          | Mỹ Hà                            |                 |                  |
| 9  | 6          | Mỹ Trung                         |                 |                  |
| 10 | 7          | TT Mỹ Lộc                        |                 |                  |
|    | <b>III</b> | <b>H. Vụ Bản</b>                 | <b>12</b>       |                  |
| 11 | 1          | Hợp Hưng                         |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 12 | 2          | Thành Lợi                        |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 13 | 3          | Quang Trung                      |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 14 | 4          | Kim Thái                         |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 15 | 5          | Tân Khánh                        |                 |                  |
| 16 | 6          | Đại An                           |                 |                  |
| 17 | 7          | Liên bảo                         |                 |                  |
| 18 | 8          | Cộng Hoà                         |                 |                  |
| 19 | 9          | Tam Thanh                        |                 |                  |
| 20 | 10         | Vĩnh Hào                         |                 |                  |
| 21 | 11         | Tân Thành                        |                 |                  |
| 22 | 12         | Đại Thắng                        |                 |                  |
|    | <b>IV</b>  | <b>H. Ý Yên</b>                  | <b>21</b>       |                  |
| 23 | 1          | Yên Thành                        |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 24 | 2          | Yên Hưng                         |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 25 | 3          | Yên Dương                        |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 26 | 4          | Yên Tiến                         |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 27 | 5          | Yên Khánh                        |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 28 | 6          | Yên Nghĩa                        |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 29 | 7          | Yên Phương                       |                 |                  |
| 30 | 8          | Yên Thắng                        |                 |                  |

| TT | TT<br>xã  | Huyện, thành phố<br>Xã, thị trấn | Số xã, thị trấn | Ghi chú          |
|----|-----------|----------------------------------|-----------------|------------------|
| 31 | 9         | Yên Bằng                         |                 |                  |
| 32 | 10        | Yên Phúc                         |                 |                  |
| 33 | 11        | Yên Đồng                         |                 |                  |
| 34 | 12        | Yên Minh                         |                 |                  |
| 35 | 13        | Yên Lợi                          |                 |                  |
| 36 | 14        | Yên Khang                        |                 |                  |
| 37 | 15        | Yên Chính                        |                 |                  |
| 38 | 16        | Yên Lộc                          |                 |                  |
| 39 | 17        | Yên Quang                        |                 |                  |
| 40 | 18        | Yên Trị                          |                 |                  |
| 41 | 19        | Yên Xá                           |                 |                  |
| 42 | 20        | Yên Thọ                          |                 |                  |
| 43 | 21        | Yên Mỹ                           |                 |                  |
|    | <b>V</b>  | <b>H. Nghĩa Hưng</b>             | <b>16</b>       |                  |
| 44 | 1         | Nghĩa Phúc                       |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 45 | 2         | Nghĩa Đồng                       |                 |                  |
| 46 | 3         | Hoàng Nam                        |                 |                  |
| 47 | 4         | Nghĩa Châu                       |                 |                  |
| 48 | 5         | Nghĩa Trung                      |                 |                  |
| 49 | 6         | TT. Liễu Đề                      |                 |                  |
| 50 | 7         | Nghĩa Lạc                        |                 |                  |
| 51 | 8         | Nghĩa Phú                        |                 |                  |
| 52 | 9         | Nghĩa Tân                        |                 |                  |
| 53 | 10        | Nghĩa Thành                      |                 |                  |
| 54 | 11        | Nghĩa Thắng                      |                 |                  |
| 55 | 12        | Nghĩa Lâm                        |                 |                  |
| 56 | 13        | Nghĩa Hùng                       |                 |                  |
| 57 | 14        | Nghĩa Hải                        |                 |                  |
| 58 | 15        | TT. Rạng Đông                    |                 |                  |
| 59 | 16        | Nam Điền                         |                 |                  |
|    | <b>VI</b> | <b>H. Nam Trực</b>               | <b>13</b>       |                  |
| 60 | 1         | Nam Hùng                         |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 61 | 2         | Nam Mỹ                           |                 |                  |
| 62 | 3         | Điền Xá                          |                 |                  |
| 63 | 4         | Nam Thắng                        |                 |                  |
| 64 | 5         | Hồng Quang                       |                 |                  |
| 65 | 6         | Nam Toàn                         |                 |                  |
| 66 | 7         | Nghĩa An                         |                 |                  |
| 67 | 8         | Nam Cường                        |                 |                  |
| 68 | 9         | TT. Nam Giang                    |                 |                  |

| TT  | TT<br>xã    | Huyện, thành phố<br>Xã, thị trấn | Số xã, thị trấn | Ghi chú          |
|-----|-------------|----------------------------------|-----------------|------------------|
| 69  | 10          | Đồng Sơn                         |                 |                  |
| 70  | 11          | Bình Minh                        |                 |                  |
| 71  | 12          | Nam Tiến                         |                 |                  |
| 72  | 13          | Nam Hải                          |                 |                  |
|     | <b>VII</b>  | <b>H. Trực Ninh</b>              | <b>14</b>       |                  |
| 73  | 1           | Trực Mỹ                          |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 74  | 2           | Cát Thành                        |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 75  | 3           | Trực Chính                       |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 76  | 4           | Cổ Lễ                            |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 77  | 5           | Trực Thắng                       |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 78  | 6           | Trực Phú                         |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 79  | 7           | Trực Đạo                         |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 80  | 8           | Trực Thái                        |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 81  | 9           | Phương Định                      |                 |                  |
| 82  | 10          | Liên Hải                         |                 |                  |
| 83  | 11          | Trực Tuấn                        |                 |                  |
| 84  | 12          | Trực Khang                       |                 |                  |
| 85  | 13          | Trực Thuận                       |                 |                  |
| 86  | 14          | Trực Cường                       |                 |                  |
|     | <b>VIII</b> | <b>H. Xuân Trường</b>            | <b>13</b>       |                  |
| 87  | 1           | Xuân Vinh                        |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 88  | 2           | Xuân Đài                         |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 89  | 3           | Xuân Hòa                         |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 90  | 4           | Xuân Thành                       |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 91  | 5           | Xuân Trung                       |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 92  | 6           | Xuân Phú                         |                 | Đạt NTM năm 2015 |
| 93  | 7           | Xuân Tân                         |                 |                  |
| 94  | 8           | Xuân Bắc                         |                 |                  |
| 95  | 9           | Xuân Hồng                        |                 |                  |
| 96  | 10          | Xuân Châu                        |                 |                  |
| 97  | 11          | Xuân Tiến                        |                 |                  |
| 98  | 12          | Xuân Phong                       |                 |                  |
| 99  | 13          | Xuân Thủy                        |                 |                  |
|     | <b>IX</b>   | <b>H. Giao Thủy</b>              | <b>14</b>       |                  |
| 100 | 1           | Giao An                          |                 |                  |
| 101 | 2           | Giao Thiện                       |                 |                  |
| 102 | 3           | Giao Xuân                        |                 |                  |
| 103 | 4           | Giao Tân                         |                 |                  |
| 104 | 5           | Hoành Sơn                        |                 |                  |
| 105 | 6           | Giao Long                        |                 |                  |

| TT  | TT<br>xã | Huyện, thành phố<br>Xã, thị trấn | Số xã, thị trấn | Ghi chú |
|-----|----------|----------------------------------|-----------------|---------|
| 106 | 7        | Giao Thanh                       |                 |         |
| 107 | 8        | Giao Nhân                        |                 |         |
| 108 | 9        | Hồng Thuận                       |                 |         |
| 109 | 10       | Giao Hương                       |                 |         |
| 110 | 11       | Giao Châu                        |                 |         |
| 111 | 12       | Giao Yên                         |                 |         |
| 112 | 13       | TT. Quất Lâm                     |                 |         |
| 113 | 14       | Giao Hải                         |                 |         |